TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **554**/2019/QĐST-HNGĐ	*Quận Y, ngày 31 tháng 7 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 68, Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 376/2019/TLST–HNGĐ ngày 30/5/2019, về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/ Anh D – Sinh năm: 1987.

Địa chỉ: đường D, Phường A, Quận Y, TP.HCM.

2/ Chị T – Sinh năm: 1990.

Địa chỉ: đường P, Phường A, quận G, TP.HCM.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy: Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23/7/2019, Anh D và Chị T đã thỏa thuận được về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh D và Chị T thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, Anh D và Chị T không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

2. Lệ phí việc hôn nhân và gia đình là: 300.000(ba trăm nghìn) đồng, do Anh D và Chị T nộp, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí mà Anh D và Chị T đã nộp là

300.000(ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0011210 ngày 30/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Y, TP. Hồ Chí Minh. Anh D và Chị T đã nộp đủ tiền lệ phí việc hôn nhân và gia đình.

3. Giấy chứng nhận kết hôn số 62, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân Phường R, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/8/2015 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày quyết định này có hiệu lực.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nôi nhaän:
- VKSND Quận Y;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y;
- UBND P.R, Quận Y, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Tô Thanh Sang